

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 26/01/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.2. Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm 1985; vắng mặt.

2.3. Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1977; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đỗ Thị M trình bày:

Ngày 13/11/2023, bà N cùng với vợ chồng ông T1, bà N1 đến nhà bà Lâm Thị T vay số tiền 350.000.000 đồng, nói vay để đáo hạn Ngân hàng. Thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất là 3%/tháng, không thế chấp tài sản. Có làm giấy vay tiền, bà T, bà N, ông T1, bà N1 cùng ký tên. Đến hạn trả nhưng bà N, ông T1, bà N1 không trả cho bà T được khoản tiền nào. Nay, bà T yêu cầu bà N, ông T1, bà N1 cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà T số tiền 350.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 3%/tháng, thời hạn vay là 10 ngày, không thế chấp tài sản gì cho bà T. Mục đích vay là trả đáo hạn Ngân hàng. Có làm giấy vay tiền vợ chồng bà, bà T, bà N cùng ký tên. Bà N ký tên vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Vì bà N là người dẫn vợ chồng bà đến nhà bà T vay tiền. Nay, bà T yêu cầu bà, ông T1, bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng bà đồng ý cùng ông T1 trả số tiền vay gốc, lãi trên cho bà T. Riêng bà N chỉ là người dẫn vợ chồng bà đến nhà bà T vay tiền, bà N không có vay tiền của bà T nên bà không yêu cầu bà N cùng có nghĩa vụ với vợ chồng bà trả số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi cho bà T.

Bị đơn – Ông Trần Thanh T1 trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N1. Ông thống nhất theo ý kiến của bà N1, không trình bày ý kiến bổ sung.

Bị đơn – Bà Phạm Thị N trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà cùng có nghĩa vụ với ông T1, bà N1 trả số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì bà chỉ là người dẫn vợ chồng ông T1, bà N1 đến nhà bà T cho ông T1, bà N1 vay tiền. Bà không có vay tiền của bà T. Trong giấy vay tiền ghi ngày 13/11/2023, bà có ký tên cùng với vợ chồng ông T1, bà Nương. Mục đích bà ký tên là để chứng kiến việc ông T1, bà N1 vay tiền của bà T. Bà không có vay tiền của bà T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thảo đối với bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1, bà Nguyễn Thị N1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà N, ông T1, bà N1 cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 13/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Án phí: Bà N, ông T1, bà N1 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1 là bị đơn, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 13/11/2023, bà Lâm Thị T cho bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1, bà Nguyễn Thị N1 vay số tiền 350.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 10 ngày. Đến hạn trả bà N, ông T1, bà N1 không trả được tiền gốc, lãi theo thoả thuận nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy vay tiền ghi ngày 13/11/2023 có nội dung: “*Bà Phạm Thị N, vợ chồng ông Trần Thanh T1 vay của bà Lâm Thị T số tiền 350.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 10 ngày, trả lãi 3%...*”. Bà T, bà N, ông T1, bà N1 cùng ký tên.

Bà N1, ông T1 thừa nhận có vay của bà T số tiền 350.000.000 đồng, đồng ý trả tiền vay gốc, lãi theo yêu cầu của bà T.

Đối với bà Phạm Thị N cho rằng bà có ký tên vào giấy vay tiền ngày 13/11/2023 nhưng là ký tên với tư cách là người làm chứng, bà không có vay tiền của bà T nên không đồng ý cùng với bà N, ông T1 trả số tiền vay cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền ghi ngày 13/11/2023 có nội dung: “*...Họ và tên người vay tiền: Phạm Thị N...*,” bà N xác nhận có ký tên. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà N, ông T1, bà N1 cùng vay tiền của bà T. Nên yêu cầu của bà T về việc buộc bà N, ông T1, bà N1 cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 350.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền ghi ngày 13/11/2023, có thỏa thuận việc trả lãi, các đương sự thống nhất là có thỏa thuận lãi. Xác định hợp đồng vay tài sản này là hợp đồng vay có lãi. Bà T yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Việc tính tiền lãi sẽ được tính như sau: $350.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 05 \text{ tháng} = 29.631.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà N, ông T1, bà N1 phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T đối với bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1, bà Nguyễn Thị N1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1, bà Nguyễn Thị N1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị T số tiền 379.631.000 (ba trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn) đồng (trong đó, tiền gốc là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 29.631.000 (hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn) đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/4/2024 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1, bà Nguyễn Thị N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/. Về án phí:

Bà Phạm Thị N, ông Trần Thanh T1, bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 18.981.600 (mười tám triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Lâm Thị T số tiền 9.040.500 (chín triệu không trăm bốn mươi nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, bà T đã nộp tại biên lai thu số 0005841 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan